

Bản án số: 65 /2021/DSST

Ngày 15- 10-2021

“V/v: Tranh chấp HĐ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Cảnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà H’ Lum Niê.

2/ Ông Hoàng Duy Thanh.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* bà Trần Thị Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2021/TLST- DS, ngày 08/3/2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng NN.

Địa chỉ: 02 L, quận B, Tp. H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Xuân T.

Chức vụ: Ngân hàng NN - Chi nhánh E, Bắc Đ.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Nguyên V (*Văn bản ủy quyền ngày 14/6/2021*) – *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Chức vụ: Phó giám đốc.

Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị Y. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Lê Đức Dũng): Ông Lê Đức K và bà Nguyễn Thị N - *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 22/01/2019, vợ chồng anh Lê Đức d và chị Trịnh Thị Y (vợ chồng chị Y) có ký với Ngân hàng NN (ngân hàng) hợp đồng tín dụng số 5230- LAV - 201900157, để vay số tiền là 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng), mục đích vay là để mua sắm vật dụng trong gia đình và sửa chữa nhà ở, thời hạn vay là 36 tháng; thời hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 22/01/2022; lãi suất 11%/ năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn.

Đề đảm bảo cho khoản vay nói trên, vợ chồng chị Y đã thế chấp cho ngân hàng 02 thửa đất, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất số CH 623069 do Sở Tài nguyên- Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 30/ 3/ 2017; Giấy chứng nhận QSD đất số AA 318887 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 03/11/2004. Cả hai thửa đất này có tọa lạc tại xã E, huyện C, theo Hợp đồng thế chấp QSD đất số 240764754/ HĐTC, ngày 18/01/2019.

Tuy nhiên đến ngày 01/5/2019 thì anh Lê Đức D qua đời (*Giấy chứng tử số 15/TLKT, ngày 09/5/2019*). Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay chỉ trả được 29.681.918 đồng tiền lãi và đã ã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng như thỏa thuận. Tính đến hết ngày 15/10/2021, bên vay còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 210.000.000 đồng và 38.305.918 đồng tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi là 248.305.918 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu bên vay phải trả dứt điểm khoản tiền nợ gốc và lãi nói trên; đồng thời tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết cho đến khi trả hết nợ.

Sau khi bên vay thanh toán xong hết toàn bộ tiền nợ gốc và nợ lãi thì Ngân hàng sẽ trả lại tài sản đã thế chấp cho bên vay. Trường hợp không trả hoặc không trả nợ đầy đủ thì ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ (*theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 240764754/ HĐTC ngày 18/ 01/ 2019*)

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị Y.

Chị Trịnh Thị Y đã bỏ đi khỏi địa phương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (*Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Lê Đức Dũng*): Ông Lê Đức K và bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ông Lê Đức K và bà Nguyễn Thị N là bố đẻ của anh Lê Đức D (*chồng chị Trịnh Thị Y*); ngày 01/5/2019 anh Lê Đức D bị tai nạn và qua đời. Sau khi anh D qua đời được khoảng 02 tháng thì chị Y đưa 02 con nhỏ đi khỏi địa phương và nghe nói chị đưa các con về quê ngoại ở H ở cho đến nay không có tin tức hay liên lạc gì với ông bà.

Đối với 02 thửa đất mà anh chị thế chấp vay vốn tại ngân hàng, đây là tài sản riêng của vợ chồng chị Y tạo lập nên và kể từ khi chị Y bỏ đi cho đến nay, cả 02 thửa đất này bị bỏ hoang không ai sử dụng canh tác, ông bà tuổi cao sức yếu nên không làm được. Trường hợp sau này chị Y không trả được nợ thì ông bà đồng ý để cho ngân hàng phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, ông bà không có ý kiến và trách nhiệm gì đối với khoản vay của vợ chồng chị Y.

Về hàng thừa kế thứ nhất của anh Dũng; ngoài ông bà thì chỉ có vợ và các con anh D là chị Y cùng hai con nhỏ là cháu Lê Thị Khánh T (*07 tuổi*) và cháu Lê Đức H (*04 tuổi*), ngoài ra không còn ai khác. Hiện tại ông bà đã già yếu đi lại khó khăn nên ông bà xin Tòa án được vắng mặt, không tham gia tố tụng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân thủ các quy định của Bộ tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, thư ký, cũng như những người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- *Đối với Thẩm phán:* Trong quá trình chuẩn bị xét xử; Về cơ bản tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, theo Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS).

- *Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Đối với đương sự:*

+/ Nguyên đơn: Thực đã hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 BLTTDS.

+ Bị đơn: không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 BLTTDS.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: thực hiện chưa đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 73 BLTTDS

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Việc hai bên ký hợp đồng tín dụng (*vay tiền*) và hợp đồng thế chấp tài sản với nhau là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Đến hạn trả nợ người vay không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Căn cứ các Điều 26; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) và Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 (BLDS) và Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Trịnh Thị Y phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến hết ngày 15/10/2021 là 210.000.000 đồng nợ gốc và 38.305.918 đồng nợ lãi. Tổng cộng gốc và lãi là 248.305.918 đồng. Đồng thời bên vay tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ sau ngày 15/10/2021 cho đến khi trả hết nợ, theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết.

Trường hợp bên vay không trả nợ hoặc không trả nợ đầy đủ thì ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp cho ngân hàng, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 240764754/HĐTC ngày 18/01/2019.

Chị Trịnh Thị Y phải nộp án phí DSST và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2]. *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn yêu cầu giải quyết về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

[3]. *Về nội dung*: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập và có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định:

Ngày 22/01/2011, vợ chồng chị Trịnh Thị Y có ký với Ngân hàng NN (ngân hàng) hợp đồng tín dụng số 5230- LAV- 201900157, ngày 22/01/2019, để vay số tiền là 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng chẵn), mục đích vay là để tiêu dùng, thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất 11%/ năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay trên, bên vay đã thế chấp cho ngân hàng 02 thửa đất là tài sản và đứng tên anh chị.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu bên vay trả khoản nợ nói trên. Tính đến hết ngày 15/10/2021, bên vay còn nợ số tiền như sau: nợ gốc 210.000.000 đồng, nợ lãi 38.305.918 đồng. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là 248.305.918 đồng; ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu bên vay tiếp tục thanh toán lãi suất phát sinh kể từ ngày 16/10/2021 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp cho ngân hàng để thu hồi nợ.

Về phía bị đơn, qua xác minh tại đại phương ngày 04/8/2021 thì được biết: Chị Trịnh Thị Y có hộ khẩu và địa chỉ cư trú tại thôn 2, xã E, huyện C, Đ. Tuy nhiên sau khi chồng chị là anh Lê Đức D qua đời thì chị Y và các con đã bỏ đi khỏi địa phương. Như vậy trong trường hợp này chị Y là người đang phải chịu khoản nợ đối với ngân hàng. Khi chị Y thay đổi địa chỉ nơi cư trú nhưng không báo cho nguyên đơn được biết. Vì vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6, Nghị quyết số 04/2017/ NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại và án*) thì đây thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án mà không đình chỉ trả đơn khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy; Đối với Hợp đồng tín dụng số 5230- LAV – 201900157, ngày 22/01/2019 mà hai bên ký kết; việc ký hợp đồng giữa hai bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức. Do vậy đây là quan hệ tranh chấp về chấp Hợp đồng tín dụng, được quy định trong Bộ luật dân sự và Luật các Tổ chức tín dụng. Đến kỳ hạn trả nợ, bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ của bên vay trong Hợp đồng tín dụng, cũng như quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự.

Đối với Hợp đồng thế chấp QSD đất số 240764754/ HĐTC ngày 18/01/2019, giữa à vợ chồng chị Trịnh Thị Y: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện; các tài sản mà bên vay dùng để thế chấp đều là tài sản thuộc sở hữu của bị đơn (bên vay), các bên giao kết hợp đồng với nhau phù hợp với các quy định tại các Điều 292, 293, 298, 317, 318, 319 của Bộ

luật dân sự năm 2015, sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm và hiện tại không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Do vậy hợp đồng thế chấp là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ trả nợ: Đây là khoản vay do vợ chồng chị Trịnh Thị Y trực tiếp đứng ra vay và thế chấp bằng tài sản hợp pháp của anh chị. Ngày 01/5/2019 anh Lê Đức D qua đời, cho nên đã phát sinh về quyền thừa kế đối với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh D. Quá trình giải quyết Tòa án đã xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh D gồm có: Vợ anh D (*chị Y*) và 02 con (*chưa đủ 15 tuổi*); bố mẹ anh D là ông Lê Đức K và bà Nguyễn Thị N. Tại Tòa án ông K, bà N có lời khai xác định đây là khoản vay của vợ chồng chị Y, tài sản thế chấp cũng là tài sản riêng của vợ chồng anh chị. Vì vậy anh chị (*chị Y*) có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng, không liên quan đến ông bà. Trong trường hợp chị Y hợp không trả được nợ thì ngân hàng có quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ ông bà không có ý kiến gì. Vì vậy hội đồng xét xử xác định nghĩa vụ trả nợ do chị Y phải chịu trách nhiệm.

Từ những căn cứ nêu trên; Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Trịnh Thị Y có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền nợ tính đến hết ngày 15/10/2021 là 210.000.000 đồng nợ gốc và 38.305.918 đồng nợ lãi. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là 248.305.918 đồng, đồng thời tiếp tục thanh toán lãi suất phát sinh, theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ

Sau khi chị Trịnh Thị Y trả xong nợ gốc và nợ lãi, thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại 02 Giấy chứng nhận QSD đất mà bên vay (*vợ chồng chị Y*) đã thế chấp cho ngân hàng. Trường hợp không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 240764754/HĐTC, ngày 18/01/2019, giữa vợ chồng chị Trịnh Thị Y để thu hồi nợ.

[4] Về án phí án phí dân sự và chi phí tố tụng khác:

- *Về án phí:* Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Trịnh Thị Y phải chịu 12.500.000 đồng phí án phí DSST.

Cụ thể: $248.305.918 \text{ đồng} \times 5\% = 12.500.000 \text{ đồng}$ (**làm tròn**)

- *Về chi phí tố tụng khác:* Chị Trịnh Thị Y phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngân hàng được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp, sau khi thu được từ chị Trịnh Thị Y.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 299; Điều 319; Điều 323; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân NN.

Buộc chị Trịnh Thị Y có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng NN số tiền tính đến hết ngày 15/10/2021 là 210.000.000 đồng nợ gốc và 38.305.918 đồng nợ lãi. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là 248.305.918 đồng (*Hai trăm bốn mươi tám triệu ba trăm lẻ năm ngàn chín trăm mười tám đồng*).

Đồng thời chị Trịnh Thị Y phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh, theo Hợp đồng tín dụng số 5230 - LAV – 201900157, ngày 22/01/2019 cho đến khi trả xong nợ.

Sau khi chị Trịnh Thị Y trả xong nợ gốc và nợ lãi, Ngân hàng NN có nghĩa vụ trả lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bên vay đã thế chấp (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 623069, do Sở Tài nguyên- Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 30/ 3/ 2017; Giấy chứng nhận QSD đất số AA 318887 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 03/11/2004*).

Trường hợp không trả nợ hoặc không trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đã thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 240764754/ HĐTC, ngày 18/ 01/ 2019. Cụ thể tài sản thế chấp có đặc điểm như sau:

- *Thửa đất thứ nhất:* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 623069, thửa số 80, tờ bản đồ 32, diện tích 3.000m², địa chỉ tại xã E, huyện C. do Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 30/ 3/ 2017 cho Trần Văn V và bà Đậu Thị L. Đăng ký biến động 11/12/2017 cho anh Lê Đức D và chị Trịnh Thị Y.

- *Thửa đất thứ hai:* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 318887, thửa số 107a, tờ bản đồ 33, diện tích 5.000m², địa chỉ tại xã E, huyện C do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 03/11/2004, cho hộ bà Ngô Thị H Đăng ký biến động 12/01/2016 cho anh Lê Đức D và chị Trịnh Thị Y

[4] Về án phí án phí dân sự và chi phí tố tụng khác:

- *Về án phí:* Trả lại cho đơn Ngân hàng NN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.672.000 đồng, theo biên lai số AA/2019/0019854, ngày 04/03/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ.

Bị đơn chị Trịnh Thị Y phải nộp 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng khác: Bà Trịnh Thị Y phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngân hàng NN được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp, sau khi thu được từ bà Trịnh Thị Y.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản án hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự “.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đ;
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- CCTHA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN QUANG CẢNH

